TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **175**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16-12-2021
V/v "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Châu Thị Kim Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ba;

2. Bà Nguyễn Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Yến, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021 về *"Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm 1992; *có mặt.*

Địa chỉ: thôn T, xã P, huyện S, tỉnh Q.

2. Bị đơn: anh Lê Hà T, sinh năm 1985; *có mặt.*

Địa chỉ: 36/10 đường số 02, phường B, quận T, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2021, bản tự khai, các phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Kiều L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Hà T tự nguyện đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Q vào năm 2019. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Nay, chị nhận

thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 cháu tên Lê Văn Thanh P, sinh ngày 05/9/2019. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị L tự nguyện chịu.

Tại bản tự khai, các phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Hà T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với phần trình bày của chị L về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên hôn nhân không hạnh phúc, không có tiếng nói chung, không thể dung hòa cuộc sống vợ chồng. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị L có 01 cháu tên Lê Văn Thanh P, sinh ngày 05/9/2019. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nuôi con của chị Nguyễn Thị Kiều L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Kiều L có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Lê Hà T. Chị L khởi kiện xin ly hôn với anh T và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là *"Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"*, đồng thời chị L và anh T có văn bản thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng

Nam là nơi giải quyết vụ án trên, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 12 tháng 8 năm 2019 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, chị L và anh T thuận tình ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh T.

[3]. Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị L và anh T có 01 con chung tên là Lê Văn Thanh P, sinh ngày 05/9/2019. Khi ly hôn, chị L và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L cung cấp đơn xin xác nhận mức lương và thời gian làm việc, hiện nay chị đang làm kế toán, tổng thu nhập hằng tháng khoảng 17.500.000 đồng nên đảm bảo điều kiện nuôi con. Còn anh T không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh về điều kiện nuôi con nên không có cơ sở để xem xét. Hơn nữa, hiện nay cháu P đang được chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu chưa đủ 36 (ba mươi sáu) tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu P, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu P cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con, chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6]. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị Kiều L tự nguyện chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều L về việc *"Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kiều L và anh Lê Hà T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Văn Thanh P, sinh ngày 05/9/2019 cho chị Nguyễn Thị Kiều L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Lê Hà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng chị Nguyễn Thị Kiều L tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004505 ngày 05/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Hoàn trả lại cho chị L số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/12/2021).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Châu Thị Kim Phượng

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã P (Giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 12/8/2019);
- Lưu hồ sơ vụ án.